| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 02 - 2026
*"Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đào Thị Hậu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thành và bà Vũ Thị Linh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 297/2025/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST - HNGĐ ngày 15/01/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1989; số căn cước công dân: 030089001079; địa chỉ: Tổ dân phố T1, phường T2 Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; số chứng minh nhân dân: 121725817; địa chỉ cư trú cuối cùng: Tổ dân phố T1, phường T2. Vắng mặt (không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Nguyên đơn anh Hoàng Đức T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau ngày 29/11/2013, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là phường T2, thành phố Hải Phòng) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống với nhau tại thôn T1, xã L, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là: Tổ dân phố T1, phường T2, thành phố Hải Phòng). Anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 chị H đi lao động ở Đài Loan, đầu năm 2020 anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế, về chăm sóc con cái. Mặt khác anh nghi ngờ chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác ở Đài Loan. Từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, thiếu tôn trọng nhau. Anh đề nghị chị

H về nước cùng nuôi dạy con nhưng chị H không đồng ý. Đến tháng 6/2020 anh chị mâu thuẫn trầm trọng, căng thẳng. Vợ chồng anh chị ít khi liên lạc với nhau và khi liên lạc chỉ trao đổi về học tập của con chung. Anh có hỏi số điện thoại và địa chỉ của chị H để anh chủ động liên lạc nhưng chị H không cho anh biết địa chỉ và điện thoại. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã hết, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn nên anh giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị H.

Về quan hệ con chung: Anh và chị H có 01 con chung là: Hoàng Đức T3, sinh ngày 18/8/2014, hiện đang sống cùng anh. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến làm việc và được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc.

- *Theo công văn số 3885/PA08 – Đ1 ngày 19/11/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng thể hiện*: Chị Nguyễn Thị H xuất cảnh ngày 25/8/2012 qua cửa khẩu Móng Cái, nhập cảnh trở lại ngày 25/8/2012.

- *Theo xác minh tại công an phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng:* Theo sổ hộ khẩu số 270269822, hồ sơ hộ khẩu số 106, số đăng ký thường trú: Số 02, tờ số 08 thể hiện: Chủ hộ là anh Hoàng Đức T, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: T1 - L - Chí Linh - Hải Dương; thành viên trong hộ khẩu: vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; quê quán: C -Lục Nam - Bắc Giang chuyển đến cùng hộ khẩu ngày 24/02/2014. Như vậy, chị H có hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã L, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố T1, phường T2, thành phố Hải Phòng) từ ngày 24/02/2014. Công an phường đã tra cứu trên dữ liệu thông tin quốc gia về dân cư trên địa bàn phường T2 không có thông tin của chị H và cũng không có thông tin về việc chị Hiên làm thủ tục chuyển hộ khẩu thường trú đi nơi khác hoặc đăng ký tạm trú ở nơi khác.

- *Theo xác minh tại công an xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh:* Theo tra cứu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không có thông tin của công dân Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/5/1989, đăng ký hộ khẩu thường trú hay tạm trú tại: Xã C, tỉnh Bắc Ninh. Theo tra cứu thông tin của bố mẹ đẻ của chị H là ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1963 và Nguyễn Thị D, sinh năm 1967, đăng ký thường trú: Thôn H, xã C, tỉnh Bắc Ninh thể hiện: Đăng ký hộ khẩu của hộ gia đình ông K chỉ có tên ông K, bà D, ngoài ra không có thành viên nào khác cùng hộ khẩu với ông K, bà D.

- *Theo xác minh tại tổ dân phố T1, phường T2, thành phố Hải Phòng*: Anh T và chị H là công dân của tổ dân phố T1, phường T2, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống với nhau tại địa phương, sau một thời gian thì anh chị đi lao động ở nước ngoài. Sau khi anh T về nước cho đến nay,

anh T sống cùng con trai ở địa phương, còn chị H không sống tại địa phương nhiều năm nay. Anh T luôn chấp hành đúng pháp luật và hiện đang chăm sóc con rất tốt.

- *Theo xác minh tại thôn H, xã C, tỉnh Bắc Ninh*: Chị Nguyễn Thị H là con gái ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị D. Sau khi kết hôn với anh Hoàng Đức T thì chị H chuyển hộ khẩu thường trú đến gia đình anh T ở thôn T1, xã L, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là tổ dân phố T1, phường T2, thành phố Hải Phòng). Thỉnh thoảng chị H có về thăm bố mẹ đẻ nhưng không về sống và đăng ký tạm trú hay đăng ký thường trú ở địa phương. Theo phản ánh của dư luận địa phương thì hiện nay chị H đang lao động ở Đài Loan.

- *Người làm chứng là bà Nguyễn Thị D trình bày*: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H. Chị H và anh Hoàng Đức T kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị H chuyển hộ khẩu về thôn T1, xã L, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương sống cùng anh T. Sau một thời gian anh T và chị H đi lao động ở Đài Loan. Bà được biết anh chị mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và kinh tế gia đình, mặc dù gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng anh chị không khắc phục được mâu thuẫn. Anh chị có 01 con chung là Hoàng Đức T3, sinh năm 2014, hiện đang sống cùng anh T. Hiện nay chị H đang lao động ở nước ngoài nên không trực tiếp chăm sóc được cháu T3, nên gia đình bà nhất trí để anh T trực tiếp chăm sóc cháu. Chị H thỉnh thoảng liên lạc về cho gia đình bà qua điện thoại nhưng không nói cho gia đình bà biết địa chỉ hiện nay của chị Hiên ở Đài Loan. Chị H đã biết việc anh T khởi kiện xin ly hôn chị H tại Tòa án.

- Cháu T3 có nguyện vọng xin được ở với bố.

- *Tại phiên tòa:*

Anh Hoàng Đức Tr vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Hoàng Đức T, cho anh Hoàng Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Hoàng Đức T3, sinh ngày 18/8/2014 cho anh Hoàng Đức T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị H phải chấp dưỡng nuôi

con chung với anh. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh Hoàng Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", bị đơn là chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ dân phố T1, phường T2, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải – đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Nguyên đơn là anh Hoàng Đức T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Nguyễn Thị H 02 lần vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T, chị H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Anh T và chị H kết hôn với nhau ngày 29/11/2013, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là phường T2, thành phố Hải Phòng) nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa anh T và chị H có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế gia đình. Anh chị mâu thuẫn trầm trọng và ly thân nhiều năm nay không còn quan tâm đến nhau. Anh T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H, còn chị H hiện không có mặt ở địa phương, không có quan điểm gửi cho Tòa án. Việc anh chị không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; không sống chung với nhau đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh T được ly hôn chị H.

Về quan hệ con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là: Hoàng Đức T3, sinh ngày 18/8/2014, hiện đang sống cùng anh T. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu T3 xin được ở với bố. Do vậy, cần giao cháu T3 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho con chung có điều kiện được chăm sóc tốt, phù hợp nguyện vọng của con chung. Việc anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh là tự nguyện nên cần chấp nhận yêu cầu này của anh T.

Về quan hệ tài sản: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết, chị H không có ý kiến nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải – đối thoại Tòa án số 85/20025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Hoàng Đức T, cho anh Hoàng Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Hoàng Đức T3, sinh ngày 18/8/2014 cho anh Hoàng Đức T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Chị Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Hoàng Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số: 0005305 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Phòng GĐKT, TT & THA Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Trần Hưng Đạo; TP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hải Phòng (đăng ký số 91 ngày 29/11/2013 tại UBND xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Đào Thị Hậu**